

Số: 717/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 647/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1986. Địa chỉ: 51/34/18A Cống Lở, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1986. Địa chỉ: 51/34/18A Cống Lở, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 269/2011, quyển số 02/2011, ngày 08/12/2011 do Ủy ban nhân dân Phường G, quận T cấp thì ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng hợp pháp và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M; về con chung: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi con: Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 05/11/2012 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 29/02/2020, ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu; tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi con: Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 05/11/2012 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 29/02/2020, ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0068112 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự; Lưu: VP, hồ sơ;
- UBND Phường G, quận T (Đề ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH 269/2011, quyền số 02/2011, ngày 08/12/2011 do UBND Phường G, quận T cấp).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Nhoán**